

Mẫu CBTT/SGDHCM-02  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của  
TGD SGDC TP HCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDC TP HCM)

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM  
CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 635/PA-CBTT

TP.HCM, ngày 18 tháng 10 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

- Mã chứng khoán: PAC

- Địa chỉ trụ sở chính: 321 Trần Hưng Đạo, P.Cô Giang, Q.1, TP.HCM

- Điện thoại: 028.39203062 Fax: 028.39203060

- Email: duyhung@pinaco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam công bố Báo cáo tài chính quý 3 năm 2024.

3. Báo cáo tài chính này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/10/2024 tại đường dẫn: [www.pinaco.com.vn](http://www.pinaco.com.vn).

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:  
- BCTC Q3/2024

Đại diện tổ chức  
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
PIN ẮC  
QUY  
MIỀN  
NAM

Digitally signed by CÔNG  
TY CỔ PHẦN PIN ẮC  
QUY MIỀN NAM  
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ  
MINH, L=quân 1,  
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN  
PIN ẮC QUY MIỀN NAM,  
OID.0.9.2342.19200300.1  
00.1.1=MST:0300405462  
Reason: I am the author of  
this document  
Location: your signing  
location here  
Date: 2024-10-18 17:42:45  
Foxit Reader Version:  
10.0.0



LÊ VĂN NĂM

**Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh số** 4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 18) ngày 12 tháng 4 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hoàng

Chủ tịch

Ông Lê Văn Năm

Thành viên

Ông Nguyễn Văn Chung

Thành viên

Ông Nguyễn Quốc Việt

Thành viên

Ông Shigeru Ezure

Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Tạ Duy Linh

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Phan Thị Hoàng Giang

Thành viên

Bà Vũ Thị Mai Nhung

Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Văn Năm

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Điền Phước Chân

Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật-Sản xuất

Ông Nguyễn Duy Hưng

Phó Tổng Giám Đốc Tài chính

Ông Nguyễn Hoàng Thành

Phó Tổng Giám Đốc Kinh doanh

**Trụ sở đăng ký**

321 Trần Hưng Đạo

Phường Cô Giang, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2024**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>2.016.807.151.979</b>	<b>1.726.186.325.353</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>153.122.933.922</b>	<b>161.948.859.873</b>
Tiền	111		153.122.933.922	161.948.859.873
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>625.000.000.000</b>	<b>505.870.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	625.000.000.000	505.870.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>382.783.425.333</b>	<b>298.207.985.116</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	342.164.243.133	226.235.961.600
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	24.967.879.869	37.367.915.388
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	17.002.990.885	35.793.437.090
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.351.688.554)	(1.189.519.776)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	190.814
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>689.432.371.409</b>	<b>643.252.164.220</b>
Hàng tồn kho	141		690.506.304.199	646.962.409.150
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.073.932.790)	(3.710.244.930)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>166.468.421.315</b>	<b>116.907.316.144</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.072.660.672	4.820.706.142
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19(b)	160.395.760.643	112.086.610.002

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 01 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>708.536.085.109</b>	<b>707.319.377.892</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.830.446.253</b>	<b>5.332.346.253</b>
Phải thu dài hạn khác	216		4.830.446.253	5.332.346.253
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>324.014.510.479</b>	<b>332.029.868.951</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	281.704.723.671	274.686.605.679
Nguyên giá	222		1.291.108.212.280	1.240.959.152.322
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.009.403.488.609)	(966.272.546.643)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	33.412.132.251	49.628.150.449
Nguyên giá	225		47.125.644.645	66.298.132.171
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(13.713.512.394)	(16.669.981.722)
Tài sản cố định vô hình	227	13	8.897.654.557	7.715.112.823
Nguyên giá	228		41.070.129.434	39.176.827.529
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.172.474.877)	(31.461.714.706)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>101.529.194.567</b>	<b>87.038.607.873</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	101.529.194.567	87.038.607.873
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>32.500.000.000</b>	<b>32.500.000.000</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	32.500.000.000	32.500.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>245.661.933.810</b>	<b>250.418.554.815</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	207.096.723.541	209.297.352.549
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	2.860.080.679	3.430.945.794
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	35.705.129.590	37.690.256.472
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.725.343.237.088</b>	<b>2.433.505.703.245</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**NGUỒN VỐN**

<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.765.491.114.232</b>	<b>1.489.037.435.221</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.748.803.772.112</b>	<b>1.467.423.205.920</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	208.709.473.541	212.941.446.259
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.493.495.054	12.145.154.517
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(a)	10.433.794.168	8.215.049.025
Phải trả người lao động	314		81.030.831.110	94.504.823.120
Chi phí phải trả	315	20	140.494.954.353	25.941.408.583
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	50.624.211.305	4.453.639.129
Vay ngắn hạn	320	22(a)	1.215.594.212.289	1.071.746.855.052
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	11.075.428.804	10.128.016.370
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	28.347.371.488	27.346.813.865
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>16.687.342.120</b>	<b>21.614.229.301</b>
Phải trả dài hạn khác	337		1.909.600.000	1.909.600.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	14.777.742.120	19.704.629.301
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>959.852.122.856</b>	<b>944.468.268.024</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>959.852.122.856</b>	<b>944.468.268.024</b>
Vốn cổ phần	411	26	464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		389.208.670.171	355.111.097.634
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		104.341.683.461	123.055.401.166
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		9.983.882.119	7.853.056.978
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		94.357.801.342	115.202.344.188
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.725.343.237.088</b>	<b>2.433.505.703.245</b>

Ngày 18 tháng 10 năm 2024

Người lập:



Hồ Tuấn Bảo  
Trưởng bộ phận Kế toán quản trị

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp  
Phụ trách Kế Toán - Tài chính  
Lê Văn Năm  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024**

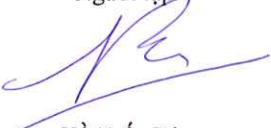
**Mẫu B 02 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	TM	Kỳ quý ba kết thúc ngày		Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày	
			30/09/2024 VND	30/09/2023 VND	30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>29</b>	<b>969.044.231.598</b>	<b>795.211.153.239</b>	<b>2.918.731.839.866</b>	<b>2.608.648.503.260</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	172.133.565.037	122.444.588.549	475.608.670.418	286.556.199.546
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>29</b>	<b>796.910.666.561</b>	<b>672.766.564.690</b>	<b>2.443.123.169.448</b>	<b>2.322.092.303.714</b>
Giá vốn hàng bán	11	30	695.123.155.458	577.049.514.659	2.125.975.533.782	2.003.821.909.855
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>101.787.511.103</b>	<b>95.717.050.031</b>	<b>317.147.635.666</b>	<b>318.270.393.859</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	14.183.692.766	14.686.418.417	38.257.673.723	42.293.935.814
Chi phí tài chính	22	32	9.089.304.057	22.224.652.890	42.331.656.030	59.016.877.981
<i>Trong đó:</i> <i>Chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.287.721.918</i>	<i>14.516.717.749</i>	<i>31.776.599.679</i>	<i>46.501.300.357</i>
Chi phí bán hàng	25	33	50.530.758.844	48.767.497.686	141.495.250.724	158.439.050.383
Chi phí quản lý DN	26	34	16.128.794.049	13.397.283.710	48.465.001.220	39.884.790.334
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>40.222.346.919</b>	<b>26.014.034.162</b>	<b>123.113.401.415</b>	<b>103.223.610.975</b>
Thu nhập khác	31		161.092.301	323.864.583	611.797.956	372.391.988
Chi phí khác	32		7.830.736	11.198.394	22.509.226	11.707.939
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>153.261.565</b>	<b>312.666.189</b>	<b>589.288.730</b>	<b>360.684.049</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>40.375.608.484</b>	<b>26.326.700.351</b>	<b>123.702.690.145</b>	<b>103.584.295.024</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	8.075.121.697	5.265.340.069	28.774.023.688	23.472.579.922
Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	-	-	570.865.115	(147.433.954)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>32.300.486.787</b>	<b>21.061.360.282</b>	<b>94.357.801.342</b>	<b>80.259.149.056</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>37</b>	<b>625</b>	<b>408</b>	<b>1.827</b>	<b>1.554</b>

Ngày 18 tháng 10 năm 2024

Người lập:

  
 Hồ Tuấn Bảo  
 Trưởng bộ phận Kế toán quản trị

Người duyệt:

  
 Nguyễn Văn Diệp  
 Phụ trách Kế toán - Tài chính

  
 Lê Văn Năm  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp)**  
**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày	
		30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	123.702.690.145	103.584.295.024
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	62.415.690.025	67.775.003.156
Các khoản dự phòng	03	(1.526.730.928)	(414.515.435)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.928.070.583)	4.733.571.492
Thu nhập từ tiền lãi	05	(27.099.501.925)	(31.400.774.071)
Chi phí lãi vay	06	31.776.599.679	46.501.300.357
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>186.340.676.413</b>	<b>190.778.880.523</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(132.722.487.180)	(232.708.569.561)
Biến động hàng tồn kho	10	(41.558.768.167)	187.834.954.135
Biến động các khoản phải trả	11	137.146.217.049	111.507.227.941
Biến động chi phí trả trước	12	6.406.907.826	1.462.417.385
Tiền lãi vay đã trả	14	(31.205.781.490)	(44.772.727.118)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(31.469.278.293)	(15.637.445.039)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.265.828.387)	(12.462.824.712)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>84.671.657.771</b>	<b>186.001.913.554</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(74.349.151.595)	(30.217.412.199)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	(260.112.293)	-
Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(665.000.000.000)	(505.870.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	545.870.000.000	542.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	46.821.904.282	39.275.296.319
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(146.917.359.606)</b>	<b>45.187.884.120</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**  
**(Phương pháp gián tiếp)**  
**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày	
		30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	1.994.469.508.682	1.725.511.823.525
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.850.858.977.110)	(1.887.066.577.141)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(19.221.902.992)	(8.206.253.901)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(69.707.560.500)	(79.001.901.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>54.681.068.080</b>	<b>(248.762.909.417)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(7.564.633.755)</b>	<b>(17.573.111.743)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	161.948.859.873	113.688.426.865
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(1.261.292.196)	102.734.212
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70 4</b>	<b>153.122.933.922</b>	<b>96.218.049.334</b>

**Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư**

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	22.848.982.616	10.103.488.235

Ngày 18 tháng 10 năm 2024

Người lập:



Hồ Tuấn Bảo  
 Trưởng bộ phận Kế toán quản trị

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp  
 Phụ trách Kế toán - Tài chính

 Lê Văn Năm  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của công ty là sản xuất và phân phối pin và ác quy.

### **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 và ngày 30 tháng 09 năm 2024, công ty có 1 công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế	
			30/09/2024	01/01/2024
Công ty TNHH đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	68 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	26,0%	26,0%

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 và ngày 30 tháng 09 năm 2024, công ty có văn phòng chính tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng và 2 xí nghiệp sản xuất ác quy và 1 xí nghiệp sản xuất pin tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, công ty có 1.251 nhân viên (31/12/2023: 1.244 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

## **Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính và các chính sách kế toán này nhất quán với các chính sách dùng lập báo cáo tài chính gần đây.

#### **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **Các khoản đầu tư**

##### **(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà ban giám đốc của công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

##### **(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết**

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

## **Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 25 năm
- máy móc và thiết bị 2 – 12 năm
- phương tiện vận tải 6 – 10 năm

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- thiết bị văn phòng 2 – 10 năm
- tài sản khác 4 – 8 năm

**Tài sản cố định vô hình**

**(iii) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(iv) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(v) Tài sản khác**

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Chi phí trả trước dài hạn**

**(vi) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(vii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 2 năm.

**Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Chi phí bảo hành**

Dự phòng về chi phí bảo hành của công ty liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các kỳ và chi phí bảo hành trung bình cho một/nhóm sản phẩm.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ báo cáo bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của ban giám đốc, công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

**Doanh thu và thu nhập khác**

**(viii) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ix) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của công ty trong kỳ trước.



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	6.933.552.219	4.262.239.528
Tiền gửi ngân hàng	146.189.381.703	157.686.620.345
	<u>153.122.933.922</u>	<u>161.948.859.873</u>

**5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm tại ngân hàng và hưởng lãi suất dao động từ 4,3% đến 5,5% (1/1/2024: 6,2% đến 9,5%)

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Mr. Chea Se	22.296.450.931	20.346.905.790
Romisa Trading Enterprises	7.040.067.096	8.192.755.379
Công ty TNHH Ác quy Vĩnh Phúc	9.215.285.760	7.849.128.960
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	9.750.266.089	13.616.133.177
Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu Toàn Phát	12.668.660.522	7.181.743.195
Sterlingson Pte Ltd	13.342.942.457	393.056.912
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bình Hiệp Phát	33.609.781	7.035.484.476
Công ty TNHH Một Thành Viên Hồng Đức Battery	5.171.441.228	5.186.205.476
Các khách hàng khác	262.645.519.269	156.434.548.235
	<u>342.164.243.133</u>	<u>226.235.961.600</u>

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên	6.359.230.551	6.110.462.121
Wirtz MFG. Co., Inc.	2.086.576.776	2.458.865.577
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	1.483.080.000	495.720.000
Kae Lii Machine MFG Co.,Ltd	1.466.225.160	-
FDK Singapore Pte Ltd	1.108.144.800	897.419.250
Công ty TNHH SX TM DV Cơ khí Trường Phát	1.087.857.060	621.770.430
Công ty Cổ phần Phòng cháy Chữa cháy Đăng Minh	1.041.883.066	-
Các nhà cung cấp khác	10.334.882.456	26.783.678.010
	<u>24.967.879.869</u>	<u>37.367.915.388</u>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu lãi tiền gửi	11.090.493.149	30.812.895.506
Trả trước cho thuê tài chính	2.816.925.894	3.661.331.251
Tạm ứng cho nhân viên	2.416.739.291	1.285.342.792
Phải thu khác	678.832.551	33.867.541
	<hr/>	
	17.002.990.885	35.793.437.090

**9. Dự phòng phải thu khó đòi**

Ngày 30 tháng 09 năm 2024	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.327.732.388	(398.319.716)	929.412.672
Công ty Cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ	Trên 3 năm	114.952.000	(114.952.000)	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	1.143.390.888	(596.545.850)	546.845.038
		<hr/>		
		2.586.075.276	(1.109.817.566)	1.476.257.710
Công ty TNHH Tín An	Trên 3 năm	12.600.000	(12.600.000)	-
Emax Inc Co. Ltd.	Trên 3 năm	95.061.680	(95.061.680)	-
Rocket Thai Co., Ltd.	Trên 3 năm	134.209.308	(134.209.308)	-
		<hr/>		
		241.870.988	(241.870.988)	-
		<hr/>		
		2.827.946.264	(1.351.688.554)	1.476.257.710

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 01 tháng 01 năm 2024	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</b>				
Faith Chemical Enterprise	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.848.485.446	(554.545.634)	1.293.939.812
Công ty Cổ Phần Viet Nam Motors Cần Thơ	Trên 3 năm	114.952.000	(114.952.000)	-
Khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	409.345.773	(278.151.154)	131.194.619
		2.372.783.219	(947.648.788)	1.425.134.431
<b>b. Dự phòng phải thu khoản ứng trước</b>				
Công ty TNHH Tín An		12.600.000	(12.600.000)	-
Emax Inc Co. Ltd.		95.061.680	(95.061.680)	-
Rocket Thai Co., Ltd.		134.209.308	(134.209.308)	-
		241.870.988	(241.870.988)	-
		<b>2.614.654.207</b>	<b>(1.189.519.776)</b>	<b>1.425.134.431</b>

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ quý ba kết thúc ngày	
	30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
Số dư đầu kỳ	1.189.519.776	1.385.348.860
Số trích lập/ hoàn nhập trong kỳ	162.168.778	(378.876.970)
Số dư cuối kỳ	1.351.688.554	1.006.471.890

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	185.149.572.775		157.937.335.874	
Hàng mua đang đi đường	101.012.269.663		143.010.086.763	
Công cụ và dụng cụ	8.728.910.670		8.504.070.966	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	200.193.866.244		148.916.680.298	
Thành phẩm	195.419.274.116	(1.073.932.790)	188.591.824.518	(3.710.244.930)
Hàng hóa	2.410.731		2.410.731	
Hàng tồn kho	690.506.304.199	(1.073.932.790)	646.962.409.150	(3.710.244.930)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	35.705.129.590		37.690.256.472	

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá của các tài sản trên như sau:

Hàng tồn kho	30/09/2024 VND	30/09/2023 VND
Số dư đầu kỳ	3.710.244.930	2.438.073.116
Số trích lập/ hoàn nhập trong kỳ	(2.636.312.140)	(404.814.785)
Số dư cuối kỳ	1.073.932.790	2.033.258.331

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	211.864.270.602	970.055.344.396	40.081.269.522	14.110.948.192	4.847.319.610	1.240.959.152.322
Mua sắm trong kỳ	-	1.256.032.810	-	184.500.000	-	1.440.532.810
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	166.933.697	50.666.673.318	-	227.311.500	-	51.060.918.515
Chuyển từ TSCĐ hữu hình thuê tài chính (Thuyết minh 12)	-	19.172.487.526	-	-	-	19.172.487.526
Thanh lý	-	(21.315.922.256)	(49.600.000)	(159.356.637)	-	(21.524.878.893)
Số dư cuối kỳ	212.031.204.299	1.019.834.615.794	40.031.669.522	14.363.403.055	4.847.319.610	1.291.108.212.280
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	143.128.340.368	777.069.386.026	30.453.475.173	12.431.710.260	3.189.634.816	966.272.546.643
Khấu hao trong kỳ	8.178.796.298	45.142.750.459	1.872.474.035	490.265.522	305.721.888	55.990.008.202
Chuyển từ TSCĐ HH thuê tài chính (Thuyết minh 12)	-	8.665.812.657	-	-	-	8.665.812.657
Thanh lý	-	(21.315.922.256)	(49.600.000)	(159.356.637)	-	(21.524.878.893)
Số dư cuối kỳ	151.307.136.666	809.562.026.886	32.276.349.208	12.762.619.145	3.495.356.704	1.009.403.488.609
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	68.735.930.234	192.985.958.370	9.627.794.349	1.679.237.932	1.657.684.794	274.686.605.679
Số dư cuối kỳ	60.724.067.633	210.272.588.908	7.755.320.314	1.600.783.910	1.351.962.906	281.704.723.671

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 606.917 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 09 năm 2024 (01/01/2024: 570.969 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.  
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 17.539 triệu VND (01/01/2024: 21.119 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	66.298.132.171	-	66.298.132.171
Mua sắm trong kỳ			-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình Thuyết minh số 11)	(19.172.487.526)	-	(19.172.487.526)
Số dư cuối kỳ	47.125.644.645	-	47.125.644.645
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	16.669.981.722	-	16.669.981.722
Khấu hao trong kỳ	5.714.921.652	-	5.714.921.652
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình Thuyết minh số 11)	(8.671.390.980)	-	(8.671.390.980)
Số dư cuối kỳ	13.713.512.394	-	13.713.512.394
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	49.628.150.449	-	49.628.150.449
Số dư cuối kỳ	33.412.132.251	-	33.412.132.251

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 22).

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	23.114.143.021	10.843.905.852	5.218.778.656	39.176.827.529
Chuyển từ XDCB DD	-	1.893.301.905	-	1.893.301.905
Số dư cuối kỳ	23.114.143.021	12.737.207.757	5.218.778.656	41.070.129.434
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	15.979.774.662	10.263.161.388	5.218.778.656	31.461.714.706
Khấu hao trong kỳ	284.180.645	412.520.236	14059290	710.760.171
Số dư cuối kỳ	16.263.955.307	10.675.681.624	5.232.837.946	32.172.474.877
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	7.134.368.359	580.744.464	-	7.715.112.823
Số dư cuối kỳ	6.850.187.714	2.061.526.133	(14.059.290)	8.897.654.557

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 15.235 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 09 năm 2024 (01/01/2024: 15.235 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>30/09/2024 VND</b>	<b>30/09/2023 VND</b>
Số dư đầu kỳ	87.038.607.873	85.392.592.894
Mua sắm trong kỳ	72.908.618.785	43.212.233.288
Chuyển sang tài sản cố định (Thuyết minh 11,13)	(52.954.220.420)	(31.351.946.371)
Chuyển sang chi phí trả trước	(5.463.811.671)	(10.214.271.938)
Số dư cuối kỳ	101.529.194.567	87.038.607.873

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Máy móc và thiết bị	97.598.612.220	85.457.942.043
Công trình xây dựng	3.930.582.347	1.580.665.830
	101.529.194.567	87.038.607.873

**15. Đầu tư vào công ty liên kết**

	30/09/2024		01/01/2024	
	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	26,0%	32.500.000.000	26,0%	32.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư góp vốn và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	3.039.482.176	206.257.870.373	209.297.352.549
Mua sắm trong kỳ	2.035.090.988	8.760.386.607	10.795.477.595
Phân bổ trong kỳ	(1.864.555.016)	(11.131.551.587)	(12.996.106.603)
Số dư cuối kỳ	3.210.018.148	203.886.705.393	207.096.723.541

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/09/2024 VND</b>	<b>01/01/2024 VND</b>
Dự phòng bảo hành	20%	2.215.085.761	2.025.603.274
Chi phí phải trả	20%	430.208.360	663.293.534
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	214.786.558	742.048.986
		<b>2.860.080.679</b>	<b>3.430.945.794</b>

**18. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>30/09/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>01/01/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>
Trafigura Pte Ltd	43.025.818.162	45.156.854.965
Glencore International AG	21.081.732.321	-
Thai United Industry Co.,Ltd.	17.901.806.850	14.487.055.843
Công ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam	15.165.578.674	13.740.209.748
Samji Metal Ind Co.,Ltd	12.250.186.407	11.881.217.904
Công ty TNHH Thye Míng Việt Nam	7.260.429.825	3.263.659.014
Baoding Golden Sunlight Power	6.376.363.900	6.293.888.700
Các nhà cung cấp khác	85.647.557.402	118.118.560.085
	<b>208.709.473.541</b>	<b>212.941.446.259</b>

**Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan**

	<b>30/09/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>01/01/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	744.196.200	590.388.700
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	513.914.220	937.293.120
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn	31.071.600	13.910.400
CN Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	1.067.179.714	38.500.000

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thuế, các khoản phải nộp Nhà nước và thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/09/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	501.211.209.549	(384.730.571.348)	(113.959.306.060)	2.521.332.141
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.526.976.017	28.774.023.688	-	(31.469.278.293)	7.831.721.412
Thuế thu nhập cá nhân	(807.285.757)	4.847.651.192	-	(4.559.305.430)	(518.939.995)
Phí thuế đất và các loại thuế khác	(1.504.641.235)	10.650.511.994	-	(8.546.190.149)	599.680.610
	8.215.049.025	545.483.396.423	(384.730.571.348)	(158.534.079.932)	10.433.794.168
<hr/>					
(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	01/01/2024 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/09/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	112.086.610.002	433.039.721.989	(384.730.571.348)	-	160.395.760.643

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Chi phí phải trả**

	<b>30/09/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí bán hàng	114.396.782.731	10.397.805.834
Chi phí bảo hiểm, BHLĐ, nghỉ mát	14.677.238.971	9.447.925.240
Chi phí thuế BVMT ắc quy	7.144.643.532	-
Chi phí vận chuyển	1.406.870.634	2.318.519.338
Chi phí lãi vay	570.818.189	1.394.291.954
Các khoản chi phí phải trả khác	2.298.600.296	2.382.866.217
	<hr/>	<hr/>
	140.494.954.353	25.941.408.583
	<hr/>	<hr/>

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/09/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng dự án	3.000.000.000	3.000.000.000
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	708.222.125	369.286.380
Các khoản phải trả khác	418.695.254	1.060.155.966
Cổ tức	46.497.293.926	24.196.783
	<hr/>	<hr/>
	50.624.211.305	4.453.639.129
	<hr/>	<hr/>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Vay và nợ thuê tài chính**

(a) Vay ngắn hạn

	01/01/2024		Biến động trong kỳ		30/09/2024		
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay bên thứ ba	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000
Vay ngân hàng	1.014.877.656.333	1.014.877.656.333	1.989.586.086.521	1.826.753.651.957	(4.690.061.516)	1.173.020.029.381	1.173.020.029.381
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	24.369.198.719	24.369.198.719	4.883.422.161	19.178.437.972	-	10.074.182.908	10.074.182.908
	<b>1.071.746.855.052</b>	<b>1.071.746.855.052</b>	<b>1.994.469.508.682</b>	<b>1.845.932.089.929</b>	<b>(4.690.061.516)</b>	<b>1.215.594.212.289</b>	<b>1.215.594.212.289</b>

Vay bên thứ ba thể hiện khoản vay ngắn hạn, không đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngân hàng ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất		30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
		2024	2023		
<i>Vay ngân hàng không có đảm bảo</i>					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	2,9% - 4,5%	3,5% - 6,0%	668.523.198.407	602.718.281.975
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	3,6% - 3,7%	4,0%	28.162.455.401	54.345.394.983
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2,9% - 3,7%	3,5% - 4,5%	194.544.382.780	84.466.231.999
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	VND	-	6,0%	-	44.825.244.422
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	3,5% - 3,6%	-	201.178.586.298	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	-	2,0% - 4,0%	-	75.929.104.950
Ngân hàng Siam Bank VN	VND	3,6%	4,3% - 5,0%	74.899.338.982	102.838.306.984
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	VND	-	3,5%	-	26.842.731.142
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	USD	-	3,6% - 3,9%	-	22.912.359.878
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	VND	3,6%	-	5.712.067.513	-
				1.173.020.029.381	1.014.877.656.333

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

Vay và nợ thuế tài chính dài hạn  
 Vay và nợ thuế tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 22(a))

Vay và nợ thuế tài chính đến hạn trả

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Lãi suất		
	2024	2023	
Loại tiền	30/09/2024	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND	VND
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (i)	7,5%	7,4%	3.505.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Vietcombank (ii)	7,2%-8,2%	7,4%-9,4%	21.346.925.028
	24.851.925.028	44.073.828.020	44.073.828.020

(i) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 17.539 triệu VND (01/01/2024: 21.119 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, chi phí trả trước dài hạn với giá trị còn lại là 15.305 triệu VND (01/01/2024: 15.712 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank không có đảm bảo/ Nợ gốc và lãi sẽ được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ/ Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	30/09/2024		01/01/2024	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND
	7.861.823.397	1.292.640.489	10.871.433.942	2.007.235.223
	16.025.098.055	1.247.355.935	22.320.339.303	2.615.710.002
	23.886.921.452	2.539.996.424	33.191.773.245	4.622.945.225
Trong vòng một năm				8.864.198.719
Trong vòng hai đến năm năm				19.704.629.301
				28.568.828.020

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong kỳ như sau:

	<b>30/09/2024</b>	<b>30/09/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	10.128.016.370	9.220.293.701
Số tăng/giảm trong kỳ	947.412.434	369.176.320
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	11.075.428.804	9.589.470.021
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>30/09/2024</b>	<b>30/09/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	27.346.813.865	25.063.936.412
Số trích lập trong kỳ	9.266.386.010	14.792.007.527
Số sử dụng trong kỳ	(8.265.828.387)	(12.403.299.697)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	28.347.371.488	27.452.644.242
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2023</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	311.688.100.054	145.069.963.985	923.059.833.263
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	115.202.344.188	115.202.344.188
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	43.422.997.580	(43.422.997.580)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(14.792.007.527)	(14.792.007.527)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(79.001.901.900)	(79.001.901.900)
<b>Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2024</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	355.111.097.634	123.055.401.166	944.468.268.024
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	94.357.801.342	94.357.801.342
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	34.097.572.537	(34.097.572.537)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.266.386.010)	(9.266.386.010)
Cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(69.707.560.500)	(69.707.560.500)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 09 năm 2024</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	389.208.670.171	104.341.683.461	959.852.122.856

(\*): Trong 9 tháng năm 2024, công ty đã chốt danh sách chi trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ là 15% (đợt 1:5%, đợt 2:10%) .

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/09/2024		01/01/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Tại ngày báo cáo, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	30/09/2024		01/01/2024	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	23.898.273	51,43%	23.898.273	51,43%
The Furukawa Battery Co Ltd.,	4.899.708	10,54%	4.899.708	10,54%
Công đoàn Cty CP Pin Ác quy Miền Nam	1.893.734	4,08%	2.236.534	4,81%
Các cổ đông khác	15.779.992	33,95%	15.437.192	33,22%
	46.471.707	100,00%	46.471.707	100,00%

**27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>30/09/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	4.595.989.166	4.423.565.652
Trong vòng hai đến năm năm	3.658.867.991	7.363.606.819
	<hr/>	<hr/>
	<b>8.254.857.157</b>	<b>11.787.172.471</b>

**Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/09/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	12.529.338.010	20.695.129.201
	<hr/>	<hr/>

**Ngoại tệ các loại**

	<b>30/09/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	952.271,72	23.235.429.968	1.621.790,30	39.052.710.424
EUR	67.639,43	1.825.047.100	248,52	6.553.510
		<hr/>		<hr/>
		<b>25.060.477.068</b>		<b>39.059.263.934</b>

**28. Báo cáo bộ phận**

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán do tài sản cố định được sử dụng chung để sản xuất hàng xuất khẩu và bán trong nước và không đủ cơ sở để chia tách.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Doanh thu thuần dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:	Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày	
	30/09/2024	30/09/2023
	VND	VND
Trong nước	1.873.682.675.639	1.883.199.042.234
Xuất khẩu	569.440.493.809	438.893.261.480
	<u>2.443.123.169.448</u>	<u>2.322.092.303.714</u>

**29. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:	Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày	
	30/09/2024	30/09/2023
	VND	VND
Tổng doanh thu	2.918.731.839.866	2.608.648.503.260
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	466.785.499.000	277.963.202.035
▪ Hàng bán bị trả lại	8.823.171.418	8.592.997.511
	<u>475.608.670.418</u>	<u>286.556.199.546</u>
Doanh thu thuần	<u>2.443.123.169.448</u>	<u>2.322.092.303.714</u>

**30. Giá vốn hàng bán**

	Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày	
	30/09/2024	30/09/2023
	VND	VND
Pin và ắc quy đã bán	2.119.306.107.717	1.915.200.908.890
Khuyến mãi có điều kiện	9.305.738.205	89.025.815.750
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.636.312.140)	(404.814.785)
	<u>2.125.975.533.782</u>	<u>2.003.821.909.855</u>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>31. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/09/2024</b>	<b>30/09/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	27.099.501.925	31.400.774.071
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	9.001.738.070	10.893.161.743
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.795.274.715	-
Chiết khấu thanh toán	361.159.013	-
	<hr/>	<hr/>
	38.257.673.723	42.293.935.814
	<hr/>	<hr/>
<b>32. Chi phí tài chính</b>	<b>Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/09/2024</b>	<b>30/09/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	31.776.599.679	46.494.621.138
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.555.056.351	9.822.451.127
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.699.805.716
	<hr/>	<hr/>
	42.331.656.030	59.016.877.981
	<hr/>	<hr/>
<b>33. Chi phí bán hàng</b>	<b>Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/09/2024</b>	<b>30/09/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	34.016.546.828	31.107.434.646
Chi phí vận chuyển	26.233.583.745	23.590.956.008
Chi phí quảng cáo	22.258.085.013	31.128.460.912
Chi phí bảo hành	19.405.073.478	13.446.023.079
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.728.768.178	21.026.119.738
Chi phí bao bì	3.312.399.757	2.340.011.995
Chi phí bán hàng khác	22.859.973.654	34.407.859.293
	<hr/>	<hr/>
	141.495.250.724	158.439.050.383
	<hr/>	<hr/>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>34. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/09/2024</b>	<b>30/09/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	23.904.832.015	21.722.438.266
Chi phí công cụ và dụng cụ	13.760.649.020	8.036.989.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.972.729.868	9.451.286.268
Chi phí môi trường ác quy	609.172.064	466.057.923
Chi phí khấu hao và phân bổ	217.618.253	208.018.448
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	23.904.832.015	21.722.438.266
	<hr/>	<hr/>
	48.465.001.220	39.884.790.334
	<hr/>	<hr/>
<b>35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/09/2024</b>	<b>30/09/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	1.781.518.631.318	1.549.369.984.207
Chi phí nhân công và nhân viên	219.912.242.866	198.089.624.239
Chi phí khấu hao và phân bổ	62.415.690.025	67.775.003.156
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	279.619.838.198	268.237.380.515
	<hr/>	<hr/>
	2.343.466.402.407	2.083.471.992.117
	<hr/>	<hr/>
<b>36. Thuế thu nhập</b>		
	<b>Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>	
	<b>Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/09/2024</b>	<b>30/09/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	24.270.330.929	20.892.165.448
Dự phòng thiếu trong các năm trước	4.503.692.759	2.580.414.474
	<hr/>	<hr/>
	28.774.023.688	23.472.579.922
	<hr/>	<hr/>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	570.865.115	(147.433.954)
	<hr/>	<hr/>
<b>Chi phí thuế thu nhập</b>	29.344.888.803	23.325.145.968
	<hr/>	<hr/>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Đối chiếu thuế suất thực tế</b>	<b>Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/09/2024 VND</b>	<b>30/09/2023 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	123.702.690.145	103.584.295.024
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	24.740.538.029	20.716.859.005
Chi phí không được khấu trừ thuế	100.658.015	27.872.489
Dự phòng thiếu trong các năm trước	4.503.692.759	2.580.414.474
	<b>29.344.888.803</b>	<b>23.325.145.968</b>

**Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024, dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	<b>Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/09/2024 VND</b>	<b>30/09/2023 VND</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)	94.357.801.342	80.259.149.056
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(9.435.780.134)	(8.025.914.906)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	84.922.021.208	72.233.234.150
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	46.471.707	46.471.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.827	1.554

(\*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 được tạm tính theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày	
	30/09/2024	30/09/2023
	VND	VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn hóa chất Việt Nam		
Cổ tức được chia	35.847.409.500	40.627.064.100
<b>Cổ đông lớn</b>		
Quý Đầu tư Cơ hội PVI (POF)		
Cổ tức được chia	-	9.880.000.000
The Furukawa Battery Co Ltd.,		
Phí bản quyền	1.527.325.315	2.004.082.853
Cổ tức được chia	7.349.562.000	8.329.503.600
<b>Công ty liên quan</b>		
Công ty cổ phần hóa chất cơ bản Miền Nam		
Mua hàng hóa	5.423.741.100	3.903.313.400
Công ty cổ phần phân bón Miền Nam		
Mua hàng hóa	5.389.054.550	5.297.681.400
Công ty cổ phần hơi kỹ nghệ Que Hàn		
Mua hàng hóa	252.979.200	239.569.200
Trung Tâm Thông Tin Khoa Học Kỹ Thuật Hóa Chất		
Mua hàng hóa	201.600.000	158.400.000
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thiết Kế Công Nghiệp Hóa Chất		
Mua hàng hóa	1.450.898.999	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bột Giặt Net tại TPHCM		
Mua hàng hóa	5.273.997	-
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội		
Mua hàng hóa	-	457.380.000
Viện Hóa Học Công Nghiệp Việt Nam		
Mua hàng hóa	-	11.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Bột Giặt Lix tại Bình Dương		
Mua hàng hóa	-	14.076.480
<b>39. Tiền lương, thù lao và phụ cấp</b>		
<b>Thù lao Hội đồng Quản trị</b>		
<b>Thù lao và phụ cấp</b>		
Lê Hoàng	291.000.000	180.000.000
Lê Văn Năm	63.000.000	54.000.000
Nguyễn Văn Chung	128.700.000	119.700.000
Nguyễn Quốc Việt	128.700.000	119.700.000

**Ban kiểm soát**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

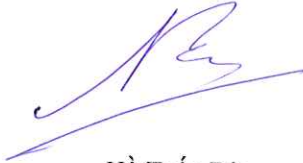
<i>Thù lao và phụ cấp</i>		
Phan Thị Hoàng Giang	70.500.000	61.200.000
Vũ Thị Mai Nhung	70.500.000	61.200.000
<i>Lương và phụ cấp</i>		
Tạ Duy Linh	163.500.000	150.325.532
<b>Ban Giám đốc</b>		
<i>Lương, thưởng và phụ cấp</i>		
Tổng Giám đốc	668.710.000	591.600.000
Các thành viên Ban Giám đốc khác.	748.600.000	207.000.000

**40. Số liệu so sánh**

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 18 tháng 10 năm 2024

Người lập:



Hồ Tuấn Bảo  
Trưởng bộ phận Kế toán quản trị

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp  
Phụ trách Kế toán - Tài chính

Lê Văn Năm  
Tổng Giám đốc